

2. Khen thưởng:

Tổ chức và cá nhân phát hiện hoặc giúp các lực lượng kiểm tra, kiểm soát phát hiện, truy bắt rượu chái, xe đạp nguyên chiếc và quạt điện không dán tem được khen thưởng theo chế độ hiện hành.

3. Đối với hàng tịch thu:

Rượu chái, xe đạp nguyên chiếc, quạt điện nhập khẩu vi phạm quy định dán tem bị tịch thu. Việc quản lý hàng hóa tịch thu và sử dụng nguồn thu này thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện việc dán tem đối với hàng còn tồn lại; kiểm tra việc lưu thông trên thị trường thuộc địa bàn quản lý những mặt hàng quy định phải dán tem hàng nhập khẩu.

2. Tổng cục Hải quan hướng dẫn và chỉ đạo việc dán tem những mặt hàng theo quy định của Thông tư này.

3. Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện Thông tư này.

4. Bộ Thương mại (Cục Quản lý thị trường) chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế), Bộ Nội vụ (Tổng cục Cảnh sát nhân dân) kiểm tra, kiểm soát những mặt hàng nhập khẩu quy định phải dán tem lưu thông trên thị trường nội địa.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, các ngành, các địa phương theo dõi và tổng hợp ý kiến phản ánh về Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan để rút kinh nghiệm triển khai việc dán tem hàng nhập khẩu một số mặt hàng khác.

6. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thủ trưởng

ĐỖ NHƯ ĐÌNH

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

K.T. Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan

Phó Tổng Cục trưởng

NGUYỄN ĐỨC MINH

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

VÔ THÁI HÒA

**NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN - CÔNG NGHIỆP**

**THÔNG TƯ liên tịch số 11/1997/
TTLT-NN-CN ngày 8-11-1997
hướng dẫn việc quản lý nhà
nước đối với tài nguyên nước
dưới đất.**

Căn cứ Nghị định số 73-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 487-TTg ngày 30-7-1996 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước;

Căn cứ Văn bản số 5073-KTN ngày 8-10-1996 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng về việc bàn giao nhiệm vụ quản lý nhà

09666559

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

LawSon

nước tài nguyên nước dưới đất từ Bộ Công nghiệp sang Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công nghiệp hướng dẫn việc quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước dưới đất gồm những nội dung sau:

I. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Xây dựng chiến lược, chính sách quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng, quản lý, phát triển và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. Xây dựng các văn bản pháp luật, quy định, tiêu chuẩn về nước dưới đất.

3. Kiểm kê, lập ngân hàng dữ liệu về tài nguyên nước dưới đất và đăng ký công trình khai thác nước dưới đất.

4. Điều hòa, phân phối nước dưới đất.

5. Thẩm định, phê duyệt các dự án, báo cáo thăm dò nước dưới đất.

6. Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất.

7. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ nước dưới đất và môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và tố tụng về quyền thăm dò, khai thác và sử dụng nước dưới đất.

9. Hợp tác quốc tế về điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất; thực hiện các điều ước quốc tế về tài nguyên nước dưới đất mà Việt Nam là một bên ký kết hoặc tham gia.

10. Tuyên truyền, giáo dục cộng đồng trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.

II. TRÁCH NHIỆM, MỐI QUAN HỆ GIỮA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ BỘ CÔNG NGHIỆP TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Trách nhiệm:

1.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên nước dưới đất theo các nội dung nêu trong phần I ở trên từ ngày 1-11-1996 (trừ công tác điều tra cơ bản về địa chất, quan trắc động thái quốc gia về nước dưới đất và công tác quản lý nhà nước về nước khoáng, nước nóng thiên nhiên).

-- Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi là cơ quan giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước dưới đất, tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định việc thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất trình Bộ trưởng quyết định hoặc được Bộ trưởng ủy quyền quyết định.

1.2. Bộ Công nghiệp:

- Bộ Công nghiệp thực hiện việc điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên nước dưới đất theo kế hoạch nhà nước, tổ chức mạng lưới quan trắc động thái quốc gia nước dưới đất; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc xây dựng quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất; quản lý nhà nước về nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, về điều tra cơ bản địa chất tài nguyên nước dưới đất.

- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam là cơ quan giúp Bộ Công nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về điều tra cơ bản tài nguyên nước dưới đất và quan trắc động thái quốc gia nước dưới đất, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên.

2. Quan hệ giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công nghiệp:

2.1. Về công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên nước dưới đất:

- Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất yêu cầu, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất và kế hoạch quan trắc động thái nước dưới đất với Bộ Công nghiệp để Bộ Công nghiệp tổng hợp lập kế hoạch trình Chính phủ xem xét phê duyệt.

- Bộ Công nghiệp chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt các phương án và báo cáo điều tra cơ bản địa chất về nước dưới đất và quan trắc động thái nước dưới đất.

- Bộ Công nghiệp cung cấp các tài liệu về điều tra cơ bản địa chất, quan trắc động thái nước dưới đất hàng năm và các phụ lục cần thiết phục vụ công tác quản lý nước dưới đất theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phù hợp với quy định về giao nộp và cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 127-QĐ/ĐCKS ngày 16-1-1997 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

- Trong các vùng khai thác nước dưới đất tập trung hoặc vùng có các hoạt động kinh tế gây ảnh hưởng đến chất lượng, trữ lượng nước dưới đất thì ngoài mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan liên quan đề xuất xây dựng mạng chuyên quan trắc nước dưới đất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.2. Về công tác điều hòa, phân phối và lập kế hoạch khai thác nước dưới đất:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp với các địa phương và cơ quan có liên quan xác định trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác được, điều hòa và lập kế hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ, bổ sung nhân tạo nước dưới đất ở các lưu vực sông hoặc vùng lãnh thổ, vùng có cấu trúc địa chất thủy văn phức tạp, có yêu cầu khai thác nước lớn trình Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt, hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và tổ chức kiểm tra thực hiện.

2.3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công nghiệp thường xuyên thông báo cho nhau các thông tin về tình hình điều tra, thăm dò, khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ nước dưới đất.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước dưới đất, tham gia xét duyệt các dự án phát triển kinh tế xã hội có liên quan tới việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất ở địa phương mình.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm lập quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ nước dưới đất các lưu vực sông hoặc các vùng trong phạm vi tỉnh, thành phố mình theo sự hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Quyết định số 357-NN/QLN/QĐ ngày 13-3-1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chịu trách nhiệm quản lý việc khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất, kiểm tra, thanh tra công tác khoan thăm dò và khai thác nước dưới đất, đặc biệt phải có biện pháp quản lý chặt chẽ đối với các đội khoan tư nhân theo Quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác nước ngầm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương.

Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục

Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm trước hai Bộ thực hiện nội dung các điều nêu trong mục II của Thông tư này.

2. Ở địa phương:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước dưới đất trên lãnh thổ địa phương mình.

- Sở Công nghiệp có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước dưới đất, hồ sơ, tài liệu thăm dò, khai thác, cấp giấy phép khai thác nước dưới đất sang Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hiệu lực thi hành:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề gì vướng mắc cần phải điều chỉnh, bổ sung thì cơ quan thực hiện có văn bản báo cáo hai Bộ để nghiên cứu, giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Thủ trưởng

GIÀ TẤN DĨNH

K.T. Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thủ trưởng

VŨ TRỌNG HỒNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 29-CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tiểu học và Trung học phổ thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Thi chọn học sinh giỏi quốc gia các bậc học phổ thông.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường đại học có khối lớp phổ thông trung học chuyên, Hiệu trưởng trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIỂN

QUY CHẾ Thi chọn học sinh giỏi quốc gia các bậc học phổ thông

(ban hành theo Quyết định số 3479/1997/QĐ-BGDĐT ngày 1-11-1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.- Thi chọn học sinh giỏi quốc gia nhằm động viên, khích lệ những học sinh học giỏi và

QUYẾT ĐỊNH số 3479/1997/QĐ-BGDĐT ngày 1-11-1997 về việc ban hành Quy chế Thi chọn học sinh giỏi quốc gia các bậc học phổ thông.